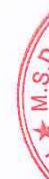




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	1301026370	ngày 17 tháng 3 năm 2017
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	1301026370	ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lưu Văn Tuấn	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Thuý	Thành viên
	Ông Nguyễn Sơn Dương	Thành viên
	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đỗ Văn Biên	Trưởng ban
	Ông Hà Đức Trung	Thành viên
	Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên
		(từ ngày 19 tháng 12 năm 2019)
	Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên
	(đến ngày 19 tháng 12 năm 2019)	

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lưu Văn Tuấn	Giám đốc
	Bà Lê Thị Tố Uyên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**                      Ấp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7)  
Xã An Phước, Huyện Châu Thành  
Tỉnh Bến Tre  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**                      Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
Lữ Văn Tuấn  
Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 10 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 7 tháng 3 năm 2019.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00462-20-01



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>143.001.667.264</b>	<b>119.842.569.455</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>79.030.751.817</b>	<b>32.751.453.677</b>
Tiền	111		530.751.817	251.453.677
Các khoản tương đương tiền	112		78.500.000.000	32.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.461.846.990</b>	<b>37.747.721.020</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.432.175.465	36.922.865.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		743.467.106	708.668.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		286.204.419	116.187.920
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>44.140.923.631</b>	<b>47.006.825.257</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>368.144.826</b>	<b>2.336.569.501</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		368.144.826	2.336.569.501
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>690.014.075.841</b>	<b>666.774.570.519</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>24.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	24.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>657.645.609.440</b>	<b>626.931.527.876</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	657.645.609.440	626.931.527.876
Nguyên giá	222		729.051.735.416	642.322.286.517
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.406.125.976)	(15.390.758.641)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>908.963.845</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		908.963.845	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.449.502.556</b>	<b>39.819.042.643</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	30.508.811.736	39.819.042.643
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		940.690.820	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>833.015.743.105</b>	<b>786.617.139.974</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>691.482.389.556</b>	<b>696.906.858.792</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>213.035.920.104</b>	<b>222.177.159.960</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	46.241.720.640	78.735.537.651
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	75.762.226.568	69.027.682.673
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	11.921.300.543	5.229.605.278
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	4.470.053.171	1.184.334.358
Vay ngắn hạn	320	14(a)	72.000.000.000	68.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.640.619.182	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>478.446.469.452</b>	<b>474.729.698.832</b>
Vay dài hạn	338	14(b)	478.446.469.452	474.729.698.832
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>141.533.353.549</b>	<b>89.710.281.182</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>141.533.353.549</b>	<b>89.710.281.182</b>
Vốn cổ phần	411	16	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		41.533.353.549	(10.289.718.818)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.289.718.818)	-
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		51.823.072.367	(10.289.718.818)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>833.015.743.105</b>	<b>786.617.139.974</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phạm Thế Lộc  
 Phụ trách kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	17	689.586.641.976	140.497.559.881
Giá vốn hàng bán	11	18	565.785.879.710	132.834.327.828
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>123.800.762.266</b>	<b>7.663.232.053</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.010.664.858	1.969.472.296
Chi phí tài chính	22	20	46.652.516.458	15.741.544.115
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		46.651.928.732	15.740.468.130
Chi phí bán hàng	25		1.822.985.013	299.021.416
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	13.114.721.979	4.211.661.174
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>65.221.203.674</b>	<b>(10.619.522.356)</b>
Thu nhập khác	31		1.356.434.398	329.803.538
Chi phí khác	32		162.294.094	-
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.194.140.304</b>	<b>329.803.538</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>66.415.343.978</b>	<b>(10.289.718.818)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	12.392.343.249	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	23	(940.690.820)	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>54.963.691.549</b>	<b>(10.289.718.818)</b>
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>5.232</b>	<b>(1.115)</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phạm Thế Lộc  
Phụ trách kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>66.415.343.978</b>	<b>(10.289.718.818)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		56.015.367.335	15.390.758.641
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.010.664.858)	(785.982.624)
Chi phí lãi vay	06		46.651.928.732	15.740.468.130
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>166.071.975.187</b>	<b>20.055.525.329</b>
Biến động các khoản phải thu	09		19.155.280.974	98.842.365.048
Biến động hàng tồn kho	10		2.865.901.626	(47.006.825.257)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.668.086.023)	100.393.106.155
Biến động chi phí trả trước	12		11.278.655.582	(22.421.215.119)
			<b>192.703.727.346</b>	<b>149.862.956.156</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.218.842.353)	(11.461.387.524)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.781.503.349)	-
Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17		(74.304.040)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>140.629.077.604</b>	<b>138.401.568.632</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(104.886.666.998)	(525.339.090.377)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.820.116.914	785.982.624
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(102.066.550.084)</b>	<b>(524.553.107.753)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	13.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		72.716.770.620	446.790.258.977
Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.000.000.000)	(50.053.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.716.770.620</b>	<b>410.237.258.977</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>46.279.298.140</b>	<b>24.085.719.856</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>32.751.453.677</b>	<b>8.665.733.821</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>79.030.751.817</b>	<b>32.751.453.677</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Phạm Thế Lộc  
 Phụ trách kế toán

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn  
 Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 136 nhân viên (1/1/2019: 126 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 70.034 triệu VND (1/1/2019: 102.335 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

#### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm     |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 11 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 11 năm     |

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí tiền thuê đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

#### **(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

## **4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Hoạt động khác là sản xuất, kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, Công ty không thực hiện hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng	530.751.817	251.453.677
Các khoản tương đương tiền	78.500.000.000	32.500.000.000
	79.030.751.817	32.751.453.677

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5% một năm (1/1/2019: 5,5% một năm).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn – một bên liên quan	18.409.920.276	36.922.865.100
Các khách hàng khác	22.255.189	-
	18.432.175.465	36.922.865.100

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	19.288.032.833	-	19.107.849.562	-
Công cụ và dụng cụ	3.315.021.420	-	7.885.265.213	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.025.762.251	-	14.710.499.404	-
Thành phẩm	7.512.107.127	-	5.303.211.078	-
	44.140.923.631	-	47.006.825.257	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	197.398.891.049	442.887.860.377	2.035.535.091	642.322.286.517
Tăng trong năm	185.043.311	84.967.682.641	-	85.152.725.952
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	317.315.558	1.259.407.389	-	1.576.722.947
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>197.901.249.918</b>	<b>529.114.950.407</b>	<b>2.035.535.091</b>	<b>729.051.735.416</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	664.411.903	14.655.813.205	70.533.533	15.390.758.641
Khấu hao trong năm	7.994.539.770	47.835.778.913	185.048.652	56.015.367.335
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.658.951.673</b>	<b>62.491.592.118</b>	<b>255.582.185</b>	<b>71.406.125.976</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	196.734.479.146	428.232.047.172	1.965.001.558	626.931.527.876
Số dư cuối năm	189.242.298.245	466.623.358.289	1.779.952.906	657.645.609.440

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 657.646 triệu VND (1/1/2019: 626.932 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí tiền thuê đất trả trước VND</b>	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	19.666.811.091	18.237.924.702	1.914.306.850	39.819.042.643
Tăng trong năm	21.687.868	2.073.473.115	3.043.769.599	5.138.930.582
Phân bổ trong năm	(389.441.612)	(11.484.256.022)	(2.575.463.855)	(14.449.161.489)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.299.057.347</b>	<b>8.827.141.795</b>	<b>2.382.612.594</b>	<b>30.508.811.736</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 19.299 triệu VND (1/1/2019: 19.667 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	32.767.927.545	46.461.322.799
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	7.622.147.366	22.682.166.416
Các nhà cung cấp khác	5.851.645.729	9.592.048.436
	<b>46.241.720.640</b>	<b>78.735.537.651</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	7.622.147.366	22.682.166.416
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	157.423.909	100.493.561
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	-	2.890.000.000

Khoản phải trả cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.448.694.552	129.018.585.529	(126.722.217.122)	8.745.062.959
Thuế tiêu thụ đặc biệt	62.516.769.706	603.257.302.933	(605.564.932.384)	60.209.140.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.392.343.249	(5.781.503.349)	6.610.839.900
Thuế thu nhập cá nhân	62.218.415	484.959.145	(349.994.106)	197.183.454
Các loại thuế khác	-	15.174.463	(15.174.463)	-
	<b>69.027.682.673</b>	<b>745.168.365.319</b>	<b>(738.433.821.424)</b>	<b>75.762.226.568</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	4.712.166.985	4.279.080.606
Chi phí thưởng	4.703.454.099	-
Chi phí phải trả khác	2.505.679.459	950.524.672
	<b>11.921.300.543</b>	<b>5.229.605.278</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Phải trả quỹ Công tác xã hội	425.695.960	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	420.000.000	370.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	3.624.357.211	814.334.358
	<b>4.470.053.171</b>	<b>1.184.334.358</b>

**14. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2019</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2019</b> <b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
		<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	
Vay ngắn hạn	-	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	68.000.000.000	58.000.000.000	(54.000.000.000)	72.000.000.000
	<b>68.000.000.000</b>	<b>69.000.000.000</b>	<b>(65.000.000.000)</b>	<b>72.000.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (*)	550.446.469.452	542.729.698.832
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14(a))	(72.000.000.000)	(68.000.000.000)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>478.446.469.452</b>	<b>474.729.698.832</b>

(\*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	7,87% - 8,52%	2026	550.446.469.452	542.729.698.832

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 676.944 triệu VND (1/1/2019: 646.598 triệu VND) (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	86.500.000.000	-	86.500.000.000
Phát hành cổ phiếu	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(10.289.718.818)	(10.289.718.818)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(10.289.718.818)</b>	<b>89.710.281.182</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	54.963.691.549	54.963.691.549
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.640.619.182)	(2.640.619.182)
Trích quỹ công tác xã hội	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>41.533.353.549</b>	<b>141.533.353.549</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b> Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2019		2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	10.000.000	100.000.000.000	8.650.000	86.500.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	1.350.000	13.500.000.000
Số dư cuối năm	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	2.000.000	20%	2.000.000	20%
Các cổ đông khác	8.000.000	80%	8.000.000	80%
	10.000.000	100%	10.000.000	100%

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	680.824.617.824	139.580.129.536
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.283.978.376.300	263.328.392.410
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(603.153.758.476)	(123.748.262.874)
▪ Bán bã bia	4.093.938.400	824.255.800
▪ Bán bao bì	4.182.238.984	-
▪ Doanh thu khác	485.846.768	93.174.545
	<hr/> <b>689.586.641.976</b>	<hr/> <b>140.497.559.881</b>

**18. Giá vốn hàng bán**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	561.453.839.108	131.945.407.872
▪ Hàng hoá đã bán	4.332.040.602	888.919.956
	<hr/> <b>565.785.879.710</b>	<hr/> <b>132.834.327.828</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	3.010.664.858	785.982.624
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.183.489.672
	<hr/> <b>3.010.664.858</b>	<hr/> <b>1.969.472.296</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	46.651.928.732	15.740.468.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	587.726	1.075.985
	<hr/>	<hr/>
	46.652.516.458	15.741.544.115

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.599.108.953	1.976.445.462
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	692.301.876	676.751.293
Chi phí khấu hao	192.693.812	70.533.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.262.253.865	494.598.032
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	368.363.473	993.332.854
	<hr/>	<hr/>
	13.114.721.979	4.211.661.174

**22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	513.840.345.819	129.310.823.225
Chi phí nhân công và nhân viên	23.011.283.976	5.727.407.431
Chi phí khấu hao	56.015.367.335	15.390.758.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.975.954.817	5.913.766.740
Chi phí khác	809.588.886	1.015.964.863
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	12.392.343.249	-
	<hr/> 12.392.343.249	<hr/> -
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(940.690.820)	-
	<hr/> 11.451.652.429	<hr/> -

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	66.415.343.978	(10.289.718.818)
Thuế theo thuế suất của Công ty	13.283.068.796	(2.057.943.764)
Chi phí không được khấu trừ thuế	80.000.000	155.949.172
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.755.467.195)	-
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong những năm trước	(155.949.172)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	1.901.994.592
	<hr/> 11.451.652.429	<hr/> -

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	54.963.691.549	(10.289.718.818)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.640.619.182)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>52.323.072.367</u>	<u>(10.289.718.818)</u>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>Số lượng</b>	<b>Số lượng</b>
	<b>cổ phiếu</b>	<b>cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	10.000.000	8.650.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	580.933
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<u>10.000.000</u>	<u>9.230.933</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.283.978.376.300	263.328.392.410
Bán bao bì	793.667.160	-
Mua nguyên vật liệu	405.066.285.955	134.877.452.223
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	2.048.389.702	90.647.417
Bán bao bì	3.388.571.824	-
Mua hàng hóa	-	29.256.135.549
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua tài sản cố định	1.218.600.000	485.100.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng</b>		
Bán khác	28.665.000	32.467.050
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu</b>		
Mua tài sản cố định	-	29.607.974.744
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang</b>		
Bán khác	27.625.500	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và các quyền lợi khác	2.308.014.203	482.627.442

**26. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã chia một khoản cổ tức cho các cổ đông là 20.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị Quyết ngày 14 tháng 1 năm 2020. Việc chia cổ tức này chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **27. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Người lập:



**Phạm Thế Lộc**  
*Phụ trách kế toán*

Người duyệt:



**Lưu Văn Tuấn**  
*Giám đốc*

